

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

QUYẾT ĐỊNH số 46/1999/QĐ-NHNN6

**ngày 05/2/1999 ban hành Quy định
về nghiệp vụ phát hành và điều hòa
tiền mặt trong hệ thống Ngân hàng
Nhà nước.**

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số
01/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997;*

*Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02 tháng 3 năm
1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và
trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang
Bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 87/1998/NĐ-CP ngày 31
tháng 10 năm 1998 của Chính phủ về phát hành,
thu hồi và thay thế tiền giấy, tiền kim loại;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Nghiệp vụ Phát
hành và Kho quỹ,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về nghiệp vụ phát hành và điều hòa tiền mặt trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 84/QĐ-NH ngày 25/3/1995 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy định về điều hòa tiền mặt trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Nghiệp vụ Phát hành và Kho quỹ, Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Tổng kiểm soát, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan ở Ngân hàng

Nhà nước Trung ương; Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc) các tổ chức tín dụng, Giám đốc Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

Phó Thống đốc

ĐỖ QUẾ LƯỢNG

**QUY ĐỊNH về nghiệp vụ phát hành và
điều hòa tiền mặt trong hệ thống
Ngân hàng Nhà nước**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 46/1999/
QĐ-NHNN6 ngày 05/2/1999 của Thống đốc
Ngân hàng Nhà nước).*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (dưới đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) được lập Quỹ dự trữ phát hành và Quỹ nghiệp vụ phát hành để quản lý tiền dự trữ phát hành và thực hiện nghiệp vụ phát hành trên cơ sở kế hoạch cung ứng tiền tăng thêm hàng năm được Chính phủ phê duyệt; nhu cầu thanh toán bằng tiền mặt của nền kinh tế; nhu cầu thay thế tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông, tiền đình chỉ lưu hành.

Điều 2. Ngân hàng Nhà nước thực hiện nhiệm vụ điều hòa tiền mặt trên toàn lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua hoạt động của các Quỹ dự trữ phát hành, Quỹ nghiệp vụ phát hành được bảo quản, quản lý tại các Kho tiền Trung ương, Kho tiền Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Kho tiền Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

*Chương II***NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ****Điều 3.**

1. Quỹ dự trữ phát hành bao gồm các loại tiền giấy, tiền kim loại đã công bố lưu hành, chưa công bố lưu hành, đã đình chỉ lưu hành và tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông nhập từ Quỹ nghiệp vụ phát hành.

a) Quỹ dự trữ phát hành tại các Kho tiền Trung ương được nhập tiền mới sản xuất từ các nhà máy in, đúc tiền; xuất, nhập với Quỹ nghiệp vụ phát hành tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và các Kho tiền Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố.

b) Quỹ dự trữ phát hành tại các Kho tiền Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước (không bao gồm tiền chưa công bố lưu hành) được xuất, nhập trực tiếp với Quỹ nghiệp vụ phát hành do Chi nhánh quản lý; xuất, nhập với Quỹ dự trữ phát hành tại các Kho tiền Trung ương và các Kho tiền Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước khác.

Điều 4. Những trường hợp được xuất, nhập Quỹ dự trữ phát hành:

1. Xuất, nhập để điều chuyển tiền giữa các Quỹ dự trữ phát hành tại các Kho tiền Trung ương với nhau; giữa Quỹ dự trữ phát hành tại Kho tiền Trung ương với Quỹ dự trữ phát hành tại Kho tiền Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước và ngược lại; giữa Quỹ dự trữ phát hành tại các Kho tiền Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước với nhau;

2. Quỹ dự trữ phát hành tại Kho tiền I Trung ương xuất (hoặc nhập) với Quỹ nghiệp vụ phát hành tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước;

3. Quỹ dự trữ phát hành tại các Kho tiền Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước xuất (hoặc nhập) với Quỹ nghiệp vụ phát hành do Chi nhánh quản lý;

4. Nhập tiền mặt mới in, đúc từ các nhà máy in,

đúc tiền về Quỹ dự trữ phát hành tại các Kho tiền Trung ương;

5. Nhập các loại tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông, tiền đình chỉ lưu hành thu hồi từ lưu thông về qua Quỹ nghiệp vụ phát hành;

6. Nhập, xuất đổi loại tiền để thay đổi cơ cấu các loại tiền mặt trong Quỹ nghiệp vụ phát hành tại Kho tiền Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước;

7. Xuất các loại tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông, tiền đình chỉ lưu hành theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để tiêu hủy;

8. Xuất các loại tiền mới được Chính phủ cho công bố lưu hành.

Điều 5.

1. Vụ trưởng Vụ Nghiệp vụ Phát hành và Kho quỹ được ký lệnh xuất, nhập Quỹ dự trữ phát hành tại các kho tiền trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước trong các trường hợp quy định tại Khoản 1, 2, 4, 7, 8 Điều 4 của Quy định này.

2. Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố ký lệnh xuất, nhập tiền mặt giữa Quỹ dự trữ phát hành và Quỹ nghiệp vụ phát hành tại Chi nhánh quản lý trong các trường hợp quy định tại Khoản 3, 5, 6 Điều 4 của Quy định này.

Điều 6. Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố có trách nhiệm thực hiện việc xuất, nhập Quỹ dự trữ phát hành tại Chi nhánh để đảm bảo yêu cầu thu, chi tiền mặt đối với khách hàng.

Điều 7. Quỹ nghiệp vụ phát hành bao gồm các loại tiền giấy, tiền kim loại được sử dụng để giao dịch hàng ngày giữa Ngân hàng Nhà nước với các khách hàng có quan hệ dịch vụ ngân quỹ, thanh toán với Ngân hàng Nhà nước và các hoạt động nghiệp vụ khác của Ngân hàng Nhà nước.

Quỹ nghiệp vụ phát hành tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước được xuất, nhập với Quỹ dự trữ

phát hành tại Kho tiền I Trung ương và quỹ tiền mặt của các khách hàng có quan hệ dịch vụ ngân quỹ, thanh toán với Ngân hàng Nhà nước Trung ương.

Quỹ nghiệp vụ phát hành của Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố được xuất, nhập với Quỹ dự trữ phát hành tại Chi nhánh và quỹ tiền mặt của các khách hàng có quan hệ dịch vụ ngân quỹ, thanh toán với Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước.

Điều 8. Giám đốc Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước thực hiện nghiệp vụ phát hành tiền vào lưu thông và thu tiền từ lưu thông về qua Quỹ nghiệp vụ phát hành do Sở giao dịch hay Chi nhánh quản lý, đảm bảo đáp ứng kịp thời, đầy đủ nhu cầu tiền mặt cho các tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước trong phạm vi số dư tài khoản tiền gửi của họ.

Điều 9. Căn cứ nhu cầu thu, chi tiền mặt; diện tích và điều kiện an toàn của kho tiền từng Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước, định kỳ 6 tháng 1 lần hoặc đột xuất, Vụ trưởng Vụ Nghiệp vụ Phát hành và Kho quỹ dự kiến mức tồn Quỹ nghiệp vụ phát hành tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước; dự kiến tồn Quỹ dự trữ phát hành, Quỹ nghiệp vụ phát hành tại các Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước trình Thống đốc phê duyệt. Giám đốc Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc các Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước phải chấp hành nghiêm chỉnh định mức tồn Quỹ dự trữ phát hành và Quỹ nghiệp vụ phát hành được duyệt. Trường hợp đặc biệt, các Quỹ dự trữ phát hành, Quỹ nghiệp vụ phát hành tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, các Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố có thể để mức tồn quỹ cao hơn hoặc thấp hơn so với định mức được duyệt để phù hợp với diễn biến thu, chi tiền mặt trong từng thời kỳ.

Điều 10. Căn cứ định mức tồn Quỹ dự trữ phát hành và tiến độ thực hiện xuất, nhập Quỹ dự trữ phát hành tại các Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Nghiệp vụ Phát hành và Kho

quỹ được ký lệnh điều chuyển và tổ chức thực hiện việc điều chuyển tiền mặt giữa các Quỹ dự trữ phát hành nhằm đảm bảo đủ định mức tồn Quỹ dự trữ phát hành tại các Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố để chủ động đáp ứng yêu cầu lưu thông tiền mặt trên địa bàn.

Điều 11. Vụ trưởng Vụ Nghiệp vụ Phát hành và Kho quỹ chịu trách nhiệm trước Thống đốc về kết quả thực hiện công tác điều hòa tiền mặt, bảo đảm đáp ứng đủ tiền mặt cho nhu cầu giải ngân của Kho bạc Nhà nước, các Tổ chức tín dụng có quan hệ dịch vụ ngân quỹ, thanh toán với Ngân hàng Nhà nước; chịu trách nhiệm trực tiếp trước Thống đốc về sự an toàn của mọi tài sản bảo quản trong các kho tiền khác trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước.

Điều 12. Giám đốc Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước quy định thời gian giao dịch tiền mặt đối với khách hàng một cách hợp lý; quy định thời gian kiểm kê cuối ngày các Quỹ dự trữ phát hành, Quỹ nghiệp vụ phát hành theo chế độ hiện hành nhưng phải bảo đảm thu, chi tiền mặt kịp thời theo yêu cầu của khách hàng có mở tài khoản tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước hay Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước.

Điều 13. Việc thu thập thông tin và báo cáo thống kê nghiệp vụ phát hành và kho quỹ quy định như sau:

1. Tại Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước và Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước:

Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước Trung ương (Vụ Nghiệp vụ Phát hành và Kho quỹ) qua các phương tiện: mạng vi tính truyền tin, fax, văn bản, điện thoại. Thông tin cung cấp phải bảo đảm thực hiện đúng quy định tại Quyết định số 681/TTg ngày 15/11/1994 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục bí mật Nhà nước trong ngành Ngân hàng.

a) Điện báo hàng ngày: Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước truyền số liệu qua mạng vi tính về Ngân hàng Nhà nước Trung ương (Vụ Nghiệp vụ Phát hành và Kho quỹ) trước 9 giờ của ngày làm việc về tình hình tiền mặt cuối giờ làm việc ngày hôm trước tại Sở giao dịch hay Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước theo các nội dung sau đây:

- Doanh số xuất, doanh số nhập Quỹ nghiệp vụ phát hành (lũy kế từ ngày đầu tháng và không kể doanh số xuất, nhập giữa Quỹ dự trữ phát hành và Quỹ nghiệp vụ phát hành);

- Tiền mặt tồn Quỹ dự trữ phát hành (bao gồm: tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành, tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông, tiền đình chỉ lưu hành); tồn Quỹ nghiệp vụ phát hành.

b) Báo cáo định kỳ:

- Doanh số xuất, doanh số nhập và bội xuất (hoặc bội nhập) Quỹ dự trữ phát hành: điện báo 5 ngày 1 lần vào các ngày làm việc kế tiếp của ngày mùng 5, 10, 15... và ngày cuối cùng của tháng, kỳ sau cộng lũy kế các kỳ trước (không kể doanh số xuất, doanh số nhập điều chuyển giữa các Quỹ dự trữ phát hành trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước);

- Cân đối thu, chi tiền mặt của Ngân hàng Nhà nước: báo cáo mỗi tháng 1 lần.

2. Tại Ngân hàng Nhà nước Trung ương:

a) Các Kho tiền I, Kho tiền II và Kho tiền III có nhiệm vụ truyền qua mạng vi tính về Ngân hàng Nhà nước (Vụ Nghiệp vụ Phát hành và Kho quỹ) trước 9 giờ của ngày làm việc các số liệu về tiền mặt tồn Quỹ dự trữ phát hành (bao gồm: tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành, tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông và tiền đình chỉ lưu hành) tại Kho tiền I, II, III - Trung ương tính đến cuối giờ làm việc ngày hôm trước.

b) Vụ Nghiệp vụ Phát hành và Kho quỹ tổng hợp số liệu toàn quốc về tình hình tiền mặt của

hệ thống Ngân hàng Nhà nước theo các nội dung quy định tại Khoản 1 và Tiết a Khoản 2 của Điều này để làm căn cứ tổ chức điều hòa lưu thông tiền mặt.

c) Vụ trưởng Vụ Nghiệp vụ Phát hành và Kho quỹ tổng hợp các số liệu sau đây trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước theo định kỳ:

- Doanh số xuất, doanh số nhập tiền mặt và số lũy kế xuất, nhập tiền mặt qua Quỹ nghiệp vụ phát hành (không kể doanh số xuất, nhập giữa Quỹ dự trữ phát hành và Quỹ nghiệp vụ phát hành) và tồn các Quỹ dự trữ phát hành, Quỹ nghiệp vụ phát hành của toàn hệ thống Ngân hàng Nhà nước 5 ngày/ lần;

- Báo cáo tình hình thực hiện xuất, nhập, bội xuất (hoặc bội nhập) Quỹ dự trữ phát hành, Quỹ nghiệp vụ phát hành hàng quý và dự kiến xuất, nhập, bội xuất (hoặc bội nhập) Quỹ dự trữ phát hành, Quỹ nghiệp vụ phát hành quý tiếp theo.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Vụ trưởng Vụ Nghiệp vụ Phát hành và Kho quỹ chịu trách nhiệm hướng dẫn Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, các Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước thực hiện Quy định này và có biện pháp tổ chức kiểm tra, theo dõi chặt chẽ việc thực hiện nghiệp vụ phát hành, thu hồi tiền mặt qua Quỹ nghiệp vụ phát hành để kịp thời điều hòa tiền mặt tại các Kho tiền của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 15. Giám đốc Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước căn cứ nhu cầu thanh toán bằng tiền mặt của nền kinh tế; nhu cầu thay thế tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông; tiền đình chỉ lưu hành để xác định giá trị và cơ cấu các loại tiền mặt đưa vào lưu thông theo từng thời kỳ tháng, quý, năm.

Điều 16. Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước có nhiệm vụ thường xuyên đôn đốc, kiểm tra tình hình thu, chi tiền mặt trên địa bàn tỉnh, thành phố.

Điều 17. Việc sửa đổi, bổ sung các khoản tại Quy định này do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định./.

KT. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

Phó Thống đốc

ĐỖ QUẾ LƯỢNG